

Số: /BC-SNNMT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Xây dựng Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã soạn thảo hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm: (1) Dự thảo Tờ trình; (2) Dự thảo Nghị quyết; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (4) Báo cáo tổng kết việc thi hành các chính sách trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố kèm theo phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Ngày 16/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số 7998/SNNMT-CCKL xin ý kiến tham gia, góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương; đồng thời đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng trên Cổng thông tin điện tử thành phố theo quy định. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

1. Tổng số có 28 ý kiến tham gia bằng văn bản (trên tổng số 43 sở, ban, ngành, địa phương được xin góp ý); trong đó có 18 ý kiến nhất trí với Dự thảo, có 10 ý kiến tham gia đóng góp chỉnh sửa, bổ sung vào hồ sơ Dự thảo (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

- Tham gia trực tiếp tại hội thảo, họp: Không.
- Tham gia qua Cổng thông tin điện tử: Không.
- Tham gia bằng hình thức khác: Không.

2. Tổng hợp ý kiến tham gia vào hồ sơ Dự thảo Nghị quyết và ý kiến tiếp thu, giải trình (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

Trên đây là báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- GD, PGD Sở Vũ Bá Công;
- Lưu: VT, CCKL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Bá Công

Biểu tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với
Dự thảo Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Văn bản số 507/MTTQ-BBT ngày 28/10/2025)	
	1.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2)	
	- Đề nghị chỉnh sửa, rà soát bảo đảm thống nhất thuật ngữ “mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp từ ngân sách nhà nước” cho rõ phạm vi điều chỉnh.	- Đề nghị giữ nguyên theo nội dung dự thảo Nghị quyết. Lý do: Tại điều 4 của dự thảo Nghị quyết Sở Nông nghiệp và Môi trường đã bổ sung nguồn kinh phí thực hiện gồm: <i>Nguồn ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.</i>
	- Bổ sung cụm từ “và các tổ chức được giao quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê” vào đối tượng áp dụng tại Điều 2 để bảo đảm bao quát đầy đủ thực tiễn thành phố có nhiều diện tích rừng do UBND cấp xã tạm thời quản lý.	- Đề nghị giữ nguyên theo nội dung dự thảo Nghị quyết. Lý do: Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã quy định đối tượng áp dụng như sau: “ <u>Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ rừng, phát triển rừng trên địa bàn thành phố Hải Phòng</u> ”. Đồng thời tại khoản 1, khoản 4, Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã quy định cụ thể mức cấp kinh phí cho đối tượng là UBND cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	1.2. Về mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp (Điều 3)	
	- Đề nghị làm rõ cơ sở tính toán mức kinh phí, đặc biệt là phần chênh lệch giữa khu vực đất liền và vùng đất ven biển, bảo đảm cân đối ngân sách thành phố.	- Mức kinh phí tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết được lấy bằng mức bình quân quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 15, 16, 19, 22 và 23 của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. Đồng thời kế thừa áp dụng mức kinh phí theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Đối với phần chênh lệch giữa khu vực vùng đất liền và vùng đất ven biển: Được quy định tại các điểm c khoản 2 Điều 5; điểm a khoản 2 điều 6; điểm đ khoản 2 điều 9: “<i>vùng đất ven biển bằng 1,5 lần mức bình quân</i>”.
	- Bổ sung quy định cụ thể hơn về tiêu chí, quy trình nghiệm thu, thanh quyết toán các nội dung chi (ví dụ: chi phí lập hồ sơ, chi quản lý, kiểm tra, nghiệm thu 7%) để tránh chồng chéo, dễ kiểm soát.	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
	- Đề nghị quy định rõ “thời hạn hỗ trợ lãi suất tín dụng tối đa 12 năm” áp dụng riêng cho rừng gỗ lớn, đồng thời nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm xác nhận, kiểm tra để bảo đảm thực thi minh bạch.	Nội dung này đã được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, đồng thời đã đưa vào trong dự thảo của Nghị quyết.
	1.3. Về chính sách hỗ trợ trồng cây phân tán (khoản 11, Điều 3): Đề nghị bổ sung quy định về việc khuyến khích các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là các tổ chức Mặt trận và thành viên, tham gia thực hiện trồng cây phân tán gắn với phong trào “Vì một Hải Phòng xanh”.	- Đề nghị giữ nguyên theo nội dung dự thảo. - Lý do: Các quy định về đối tượng, hình thức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, trình tự hỗ trợ trồng cây phân tán đã được quy định tại Điều 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	1.4. Về nguồn kinh phí thực hiện (Điều 4): Đề nghị bổ sung quy định rõ trách nhiệm của Sở Tài chính trong việc bố trí, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí; đồng thời xem xét cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa, lồng ghép với các chương trình môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.	Sau khi Nghị quyết được HĐND thành phố thông qua. Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.
	1.5. Về tổ chức thực hiện và giám sát (Điều 5): Đề nghị nêu rõ trách nhiệm phối hợp của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ, phát triển rừng; giám sát việc thực hiện Nghị quyết sau khi ban hành.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và tham mưu UBND thành phố văn bản triển khai sau khi Nghị quyết được thông qua.
	1.6. Về kỹ thuật, thể thức và hiệu lực thi hành (Điều 6): Cần chỉnh sửa, hoàn thiện thể thức, số hiệu Nghị quyết, cập nhật tên khóa, kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố; đồng thời quy định rõ ngày có hiệu lực để thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện và quyết toán ngân sách năm 2026.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố.
2	Ban Kinh tế - Ngân sách (Văn bản số 96/BC-KTNS ngày 11/10/2025)	
	Sở Nông nghiệp và môi trường rà soát, xác định toàn diện các đối tượng thuộc phạm vi của chính sách để xây dựng cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan đơn vị khẩn trương thực hiện việc giao rừng, bảo đảm các diện tích rừng có chủ theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách.
	Về nguồn lực thực hiện Nghị quyết: Đề nghị sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục rà soát, có số liệu và tính toán cụ thể theo từng phương án (với các mức đối tượng, loại rừng, diện tích khác nhau) để có căn cứ lựa chọn phương án phù hợp cũng như xác định nguồn lực thực hiện, bảo đảm khả năng cân đối ngân sách thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và khái toán để thực hiện Nghị quyết.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Sở Tư pháp (Văn bản số 3970/STP-XD&KTVB ngày 27/10/2025)	
	2.1. Về nội dung dự thảo	
	a) Về phạm vi điều chỉnh, khoản 1 Điều 1 quy định: <i>"Nghị quyết này quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 15, 16, 19, 22 và 23 của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)"</i>. Việc quy định về phạm vi điều chỉnh như dự thảo cần phải xem xét, điều chỉnh, cụ thể như sau: - Nghị quyết này quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm e khoản 2 Điều 15, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. Tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định: <i>"Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản"</i>. - Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP quy định: <i>"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương"</i>.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết trong đó đề nghị bỏ cụm từ “từ nguồn ngân sách nhà nước”. Cụ thể: <i>"Nghị quyết này quy định chi tiết điểm e khoản 2 Điều 15, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp về mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 15, 16, 19, 22 và 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP"</i>. Lý do: Tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết Sở Nông nghiệp và Môi trường đã bổ sung nguồn kinh phí thực hiện gồm: <i>Nguồn ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP</i>.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết xác định không quy định về mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 12, 13, 14 và 21 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. Đồng thời, các mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể tại Điều 3 dự thảo cũng không quy định các nội dung này. Đề nghị bổ sung cho đầy đủ; trường hợp không quy thì bổ sung báo cáo, thuyết minh giải thích rõ lý do.	Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết xác định không quy định về mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 12, 13, 14 và 21 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và tại Điều 3 dự thảo cũng không quy định các nội dung này. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, thuyết minh như sau: - Tại Điều 12 và Điều 13 thực hiện hỗ trợ cho đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, qua rà soát trên địa bàn thành phố không có diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên do vậy cơ quan soạn thảo không đưa vào phạm vi quy định của dự thảo. - Điều 14 Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ. Qua rà soát trên địa bàn không có các chủ rừng là hộ gia đình thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. - Điều 21. Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng. Qua rà soát trên địa bàn thành phố không có đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 21, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.
	Quy định "(sau đây viết tắt là Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)" là không cần thiết, chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); theo đó: "Khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản... Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản".	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Sở Tư pháp.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	b) Điều 3 dự thảo về mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Hiện có một số mức đầu tư, hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP nhưng chưa được quy định cụ thể tại dự thảo, đề nghị xem xét bổ sung hoặc giải trình làm rõ lý do không quy định, cụ thể như sau: - Khoản 1 về mức cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng nhưng chưa có "Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều này là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm" theo điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP. - Khoản 2 về mức cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng; khoản về mức cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ nhưng chưa có "Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm" theo điểm c khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. - Khoản 4 về mức cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ nhưng chưa có "Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho đối tượng tại điểm d khoản 1 Điều này là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm" theo điểm e khoản 2 Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP. - Khoản 9 về mức khoán bảo vệ rừng chưa có "Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm" theo điểm	Sở Nông nghiệp và môi trường đã tiếp thu, bổ sung tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau: - Bổ sung điểm c khoản 1: "Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm". - Bổ sung điểm c khoản 2: "Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm". - Bổ sung điểm đ khoản 4: "Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho đối tượng tại điểm d khoản 1 Điều này là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm" - Bổ sung điểm c Khoản 5: "Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	b khoản 3 Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.	trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm. - Bổ sung điểm b khoản 9: “Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm”.
	c) Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: "Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách thành phố". Tuy nhiên, tại mục 1 Phần VI dự thảo Tờ trình ban hành Nghị quyết nêu: "Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách thành phố theo quy định tại 3 điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP". Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến, thống nhất với Sở Tài chính về Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết. Điều chỉnh nội dung tại các văn bản trong hồ sơ cho thống nhất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và bổ sung lại nguồn kinh phí vào dự thảo Nghị quyết để thống nhất với mục 1 phần IV dự thảo Tờ trình. Cụ thể: “Tại điều 4 của dự thảo Nghị quyết: đã quy định nguồn kinh phí thực hiện: <i>Nguồn ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.</i>” Đối với nội dung nguồn kinh phí thực hiện Sở Tài chính đã có ý kiến tham gia tại văn bản số 7642/STC-TCHCSN ngày ngày 24/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và bổ sung.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	2.2. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	
	a) Đề nghị rà soát, sửa cách trình bày dự thảo Nghị quyết theo đúng mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, như: - Bỏ đoạn "HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA..., KỲ HỌP THỨ..." sau tên Nghị quyết. - Thay dấu "." thành dấu ";" tại cuối phần "Xét Tờ trình...". - Chuyển đoạn "Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày / /2025" tại khoản 1 Điều 6 xuống cuối dự thảo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp và trình bày dự thảo Nghị quyết theo đúng mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
	b) Về căn cứ ban hành, đề nghị sau mỗi căn cứ phải xuống dòng cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Phần III Mục 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu chỉnh sửa tại mục căn cứ cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Phần III Mục 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.
	c) Điều 3 dự thảo, đề nghị: - Sửa "ngân sách địa phương" tại điểm a khoản 7 thành "ngân sách thành phố"; sửa "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại khoản 8 thành "Ủy ban nhân dân thành phố" cho chính xác. - Thêm từ "Mức" vào đầu tiêu đề của khoản 3 cho thống nhất với các khoản khác tại Điều 3.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến tham gia của Sở Tư pháp
	d) Đề nghị rà soát, chỉnh lý việc viện dẫn văn bản tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	đ) Về nơi nhận, đề nghị: - Sửa “Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp) thành “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp”; sửa “Báo HP, Đài PTTH HP” thành “Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng” cho chính xác. - Bổ sung “Sở Tư pháp” (tách riêng), “Cổng thông tin điện tử thành phố” cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản 8 Phần II Mục 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến tham gia tại mục “Nơi nhận..”
	1.3. Về trình tự, thủ tục	Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ thực hiện trình tự, thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tư pháp
4	Sở Tài chính (Văn bản số 7642/STC-TCHCSN ngày ngày 24/10/2025)	

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Tại điểm a, b, khoản 1, điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ quy định một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, quy định “các hoạt động ưu tiên sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển” và “các hoạt động ưu tiên sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên”. Do vậy, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, phân định các hoạt động chính sách: - Các hoạt động <u>ưu tiên</u> sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển: Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng; Mức cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ; Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ; Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp. - Các hoạt động <u>ưu tiên</u> sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên: Mức cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng; Mức cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng; Mức cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; Mức hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn; Mức hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; Mức khoán bảo vệ rừng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và rà soát, phân định làm rõ kinh phí để thực hiện các hoạt động ưu tiên sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển và các hoạt động sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên cho từng hoạt động lâm sinh theo quy định (có phụ lục kèm theo báo cáo)
	Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường làm rõ cơ cấu kinh phí để thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển và các hoạt động sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên trong tổng số kinh phí trên. Đối với nguồn vốn đầu tư công, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công để đề xuất bố trí kế hoạch vốn phù hợp với đối tượng đầu tư công.	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu ý kiến thực hiện làm rõ cơ cấu kinh phí để thực hiện các hoạt động lâm sinh theo quy định và đề xuất bố trí kế hoạch vốn phù hợp với đối tượng đầu tư công
	Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, kinh phí đã hỗ trợ cho các chương trình năm 2025; kinh phí đề xuất hỗ trợ hàng năm từ nguồn vốn sự nghiệp trong giai đoạn từ năm 2026 đến 2030 so với dự toán năm 2025 tăng	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu rà soát lại toàn bộ kinh phí thực hiện trên địa bàn thành phố bố trí thực hiện Nghị quyết:

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	không quá 18%.	- Kinh phí hỗ trợ năm 2025: Trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ) chưa xây dựng Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, vì vậy chưa bố trí kinh phí thực hiện; đối với địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ) năm 2025 đã cấp 2.424.637.000 đồng cho Ban Quản lý rừng để thực hiện bảo vệ rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, nguồn kinh phí này năm 2026 cấp cho Ban Quản lý rừng cơ bản không có biến động tăng. - Dự kiến kinh phí để thực hiện Nghị quyết trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau sáp nhập) được thực hiện từ năm 2026. Các năm tiếp theo Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục theo dõi, rà soát đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện không tăng quá 18% theo ý kiến của Sở Tài chính.
	Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, có văn bản đề xuất nhu cầu bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến và tiến hành rà soát, sẽ có văn bản đề xuất nhu cầu bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Sở Tài chính.
5	Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 3703/SKHCN-VP ngày 28/10/2025)	

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	- Đề nghị chỉnh lý thể thức văn bản theo mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Đề nghị rà soát, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu chỉnh lý thể thức văn bản theo mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ.
6	Sở Nội vụ (Văn bản số 8673/NV-CCHC&PC ngày 27/10/2025)	
	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết	
7	Xã Hùng Thắng (Văn bản số 740/UBND-KT ngày 17/10/2025)	
-	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
8	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và phòng chống thiên tai (Văn bản số 1016/CCTNNPCTT-QLĐĐ ngày 20/10/2025)	
	- Tại căn cứ ban hành Nghị quyết đề nghị sửa thành: Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025. - Khoản 4.b Điều 3 của Dự thảo bị trùng lặp với khoản 1.a, đề nghị rà soát và chỉnh sửa cho phù hợp với đối tượng rừng phòng hộ.	- Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục căn cứ ban hành Nghị quyết. - Tại Điều 3 dự thảo Nghị định: Khoản 4b cấp kinh phí cho rừng phòng hộ (quy định tại Điều 9 Nghị định 58/2024/NĐ-CP và khoản 1a cấp kinh phí cho rừng đặc dụng (quy định tại Điều 5 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP);
9	Xã An Lão (Văn bản số 894/UBND-KT ngày 17/10/2025)	
-	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Xã Việt Khê (Văn bản số 796/UBND-KT ngày 17/10/2025)	
-	Đề nghị rà soát, làm rõ cơ sở tính toán các mức: kinh phí bảo vệ rừng (đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, cộng đồng dân cư), kinh phí khoanh nuôi, mức hỗ trợ trồng cây phân tán, mức hỗ trợ cơ sở sản xuất giống... để đảm bảo phù hợp với chi phí thực tế trên địa bàn và không gây áp lực đột ngột lên ngân sách xã khi triển khai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến của UBND xã Việt Khê.
	Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn ưu tiên bố trí kinh phí cho các diện tích rừng do cộng đồng dân cư quản lý, các vùng có nguy cơ xâm hại tài nguyên rừng cao.	Nội dung này không trong phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.
11	Phường Nhị Chiểu (Văn bản số 808/UBND-KTHT&ĐT ngày 17/10/2025)	
-	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
12	Phường Đồ Sơn (Văn bản số 1193/UBND-KTHT&ĐT ngày 21/10/2025)	
-	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
13	Phường Nam Triệu (Văn bản số 582/UBND-KTHT&ĐT ngày 20/10/2025)	
-	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
14	Vườn Quốc gia Cát Bà (Văn bản số 842/VQGCB-BT&HTQT ngày 21/10/2025)	
-	Xem xét điều chỉnh, bổ sung	
	Dự thảo Tờ trình: tại điều 3 (mục 3, phần IV) Đề nghị bổ sung hạng mục 12 . Hỗ trợ kinh phí để phát triển sinh kế cải thiện đời sống người dân vùng đệm của rừng đặc dụng (theo quy định tại điều 8 Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày	Tại khoản 3 Điều 27 quy định: “ <i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán</i>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp	<i>bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương”.</i>
	Dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bổ sung hạng mục 12 . Hỗ trợ kinh phí để phát triển sinh kế cải thiện đời sống người dân vùng đệm của rừng đặc dụng Đối tượng và mức hỗ trợ: cộng đồng dân cư thuộc vùng đệm của khu rừng đặc dụng được hỗ trợ bình quân là 50.000.000 đồng/cộng đồng dân cư/năm	Như vậy trường hợp: Hỗ trợ kinh phí để phát triển sinh kế cải thiện đời sống người dân vùng đệm của rừng đặc dụng (theo quy định tại điều 8 Nghị định 58/2024/NĐ-CP) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.
	- Về biểu dự toán mức đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động, Đề nghị xem xét, bổ sung kinh phí cho hạng mục: Hỗ trợ kinh phí để phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của rừng đặc dụng (điều 8 Nghị định 58/2024/NĐ-CP)	
	Đề nghị xem xét, bổ sung kinh phí cho hạng mục: Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ là rừng tự nhiên (khoản 9 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân)	Tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP: “Nguồn kinh phí khoán bảo vệ rừng được sử dụng từ nguồn kinh phí Nhà nước cấp cho chủ rừng quy định tại khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 9 và khoản 2 Điều 12 Nghị định này và các nguồn kinh phí hợp pháp khác” Như vậy kinh phí khoán bảo vệ rừng được sử dụng từ nguồn kinh phí cấp bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ.
15	Xã Kiến Thụy (Văn bản số 1272/UBND-KT ngày 21/10/2025)	
-	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
16	Đặc khu Cát Hải (Văn bản số 1724/UBND-KT ngày 22/10/2025)	

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Tại điểm d, khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết nêu “Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng 150.000 đồng/ha/năm, kinh phí bảo vệ rừng đối với vùng đất ven biển: 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao” đề nghị sửa thành “trên tổng diện tích rừng đang quản lý”.	Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng điểm d khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP
17	Phường Hải An (Văn bản số 1632/UBND-KTHTĐT ngày 22/10/2025)	
	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
18	Phường Đông Hải (Văn bản số 1220/UBND-KTHTĐT ngày 22/10/2025)	
	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
19	Phường Lê Đại Hành (Văn bản số 868/UBND-KTHTĐT ngày 22/10/2025)	
	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
20	Văn phòng Sở Nông nghiệp & Môi trường (Văn bản số 115/VP ngày 23/10/2025)	
	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
	chủ trì soạn thảo rà soát, kiểm tra, bổ sung hoàn thiện các lỗi đánh máy, căn chỉnh phong lề, chính tả, kích cỡ phông chữ	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung.
21	Phường Kiến An (Văn bản số 1703/UBND-KTHT&ĐT ngày 23/10/2025)	
	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
22	Phường Kinh Môn (Văn bản số 694/UBND-KT ngày 21/10/2025)	

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
23	Xã Kiến Hải (Văn bản số 1069/UBND-KT ngày 23/10/2025)	
	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo	
24	Phường Hòa Bình (Công văn số 856/UBND-KTHT&ĐT ngày 24/10/2025)	
	Nhất trí về bố cục, nội dung, hình thức trình bày của Dự thảo	
25	Xã An Trường (Văn bản số 940/UBND-KT ngày 24/10/2025)	
	Nhất trí với nội dung của dự thảo	
26	Chi cục Thủy sản, chăn nuôi và Thú y (Văn bản số 390/CCTSCNTY-TY ngày 24/10/2025)	
	Nhất trí với nội dung dự thảo	
27	Phường Chu Văn An (Văn bản số 1120/UBND-KTHTĐT ngày 24/10/2025)	
	Nhất trí với nội dung dự thảo	
28	Phường Trần Liễu (Văn bản số 661/UBND-KT,HT&ĐT ngày 23/10/2025)	
	Nhất trí với dự thảo	

